

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ**

Bản án số: **07/2025/HS-ST**
Ngày 06/8/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Tư Duy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Quách Ngọc Ánh**

Ông **Ngô Trung Tính**

Thư ký phiên toà: Ông **Bùi Mạnh Thuyền** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - P

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - P tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thanh Lương** - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở toà án nhân dân Khu vực 13 - P mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Thanh T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 9 năm 1988, tại thị trấn Bo - K - H;

Nơi ĐKKHKT: Khu Bo, thị trấn Bo, huyện K, tỉnh H (Nay là: Khu Bo, xã K, tỉnh P); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Th, sinh năm 1958, con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; có vợ là Bùi Thu Th và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 09/11/2013, bị Công an huyện K, tỉnh H xử phạt hành chính theo quyết định số 14; phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Lê Thanh T chưa chấp hành, tuy nhiên quá trình xác minh không có các tài liệu thi hành quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Thanh T. Căn cứ quy định của pháp luật, xác định đến nay đã hết thời hiệu xử phạt VPHC đối với Lê Thanh T theo Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/4/2025 đến ngày 12/4/2025 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Quách Đức B**, sinh năm 1985; HKTT: xóm Khoai, xã X, huyện K, tỉnh H (xóm Khoai, xã N, tỉnh P). (Vắng mặt).

- Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1995; HKTT: xóm M, xã N, huyện K, tỉnh H (xóm Mỹ Thượng, xã D, tỉnh P). (Vắng mặt).

- Anh **Bùi Văn N**, sinh năm 1986; HKTT: xóm Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh H (xóm Đồng Bãi, xã N, tỉnh P). (Vắng mặt).

- Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1990; HKTT: xóm Đồi 1, xã K, huyện K, tỉnh

H (xóm Đồi 1, xã K, tỉnh P). (Vắng mặt).

Người làm chứng:

- Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1990; HKTT: xóm C, xã T, huyện K, tỉnh H (xóm C, xã M, tỉnh P). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh T, sinh năm 1988, trú tại: Khu Bo, xã K, tỉnh P làm nghề lao động tự do, không có công ăn việc làm ổn định. Do cần có tiền để chi tiêu sử dụng cá nhân, Lê Thanh T đã nảy sinh ý định thông qua các mối quan hệ xã hội của mình để thực hiện hành vi cho nhiều người trên địa bàn các xã K, D, N vay tiền với lãi suất cao.

Từ tháng 11/2023 đến khi bị bắt, khi có khách đến vay tiền, Tùng là người trực tiếp thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả lãi (thường là 10 ngày trả lãi một lần), số tiền vay với khách vay và dùng số tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBbank) số 888828266666 mang tên Lê Thanh T hoặc tài khoản ngân hàng LP Bank 074760810001 mang tên Trần Văn M để chuyển tiền vào tài khoản cho khách vay hoặc trực tiếp đưa tiền mặt. Khi đến thời hạn trả lãi Tùng sử dụng số điện thoại: 0363.771.328; 0388.614.083; 0981.566.288; tài khoản Facebook tên “Lê Thanh T” và 02 tài khoản Zalo “Le T Tung”, “Ông Lê” để nhắn tin, gọi điện cho người vay yêu cầu trả tiền lãi vào tài khoản Ngân hàng MBbank số 888828266666, 074760810001 hoặc trực tiếp đến nhà riêng của người vay để lấy tiền lãi. Nếu khách nào chậm trả tiền lãi thì Tùng thường nhắn tin chửi bới, đe dọa và ép người vay phải trả tiền lãi. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2023 đến ngày 31/12/2024, có 04 (bốn) người vay với mức lãi suất 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1triệu/1 ngày, 10 ngày người vay phải trả lãi một lần tương đương là 109,5% - 182,5%/1 năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá 5 lần, từ 5,5 - 9,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Cụ thể như sau:

Giao dịch đối với anh Quách Đức B, sinh năm 1985, trú tại: Xóm Khoai, xã X, huyện K, tỉnh H:

- **Khoản vay thứ nhất:** Ngày 20/11/2023, anh B có vay của Lê Thanh T số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là 109,5%/1 năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 109,5%: $20\% = 5,5$ lần. Anh B đã trả tiền lãi 10 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T. Số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $10.000.000đ \times 20\% / 365 \times 10 \text{ ngày} = 54.795đ$ (*Năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $300.000đ - 54.795đ = 245.205đ$ (*Hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng*). Khoản vay này anh B đã tắt toán cho Lê Thanh T.

- **Khoản vay thứ hai:** Ngày 26/12/2023, anh B vay thêm của Lê Thanh T số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), và tính với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là 109,5%/1 năm. Mức lãi suất cho vay nêu

trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: $109,5\% : 20\% = 5,5$ lần. Anh B đã trả tiền lãi đầy đủ trong 118 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T. Tổng số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 14.160.000đ (*Mười bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $40.000.000đ \times 20\%/365 \times 118 \text{ ngày} = 2.586.301đ$ (*Hai triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $14.160.000đ - 2.586.301đ = 11.573.699đ$ (*Mười một triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*).

- **Khoản vay thứ ba:** Ngày 15/3/2024, anh B có vay thêm của Lê Thanh T số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), thỏa thuận với lãi suất 3.000đ/l triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là $109,5\%/1$ năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: $109,5\% : 20\% = 5,5$ lần. Anh B đã trả tiền lãi đầy đủ trong 38 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T. Tổng số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 1.140.000đ (*Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $10.000.000đ \times 20\%/365 \times 38 \text{ ngày} = 208.219đ$ (*Hai trăm linh tám nghìn hai trăm mười chín đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $1.140.000đ - 208.219đ = 931.781đ$ (*Chín trăm ba mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một nghìn đồng*). Ngày 22/4/2024, anh Quách Đức B đã trả cho Tùng số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) để tất toán hai khoản vay này.

- **Khoản vay thứ tư:** Ngày 10/05/2024, Anh B có vay của Lê Thanh T số tiền là 30.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) với lãi suất 3.000đ/l triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là $109,5\%/1$ năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: $109,5\% : 20\% = 5,5$ lần. Anh B đã trả cho Tùng lãi đầy đủ trong 219 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T. Tổng số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 19.710.000đ (*Mười chín triệu bảy trăm mười nghìn đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $30.000.000đ \times 20\%/365 \times 219 \text{ ngày} = 3.600.000đ$ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $19.710.000đ - 3.600.000đ = 16.110.000đ$ (*Mười sáu triệu một trăm mười nghìn đồng*).

Khoản vay thứ năm: Ngày 24/6/2024, Anh B có vay của Lê Thanh T số tiền là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) với lãi suất 3.000đ/l triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là $109,5\%/1$ năm, Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: $109,5\% : 20\% = 5,5$ lần. Anh B đã trả lãi đầy đủ trong 174 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T, số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 2.088.000đ (*Hai triệu không trăm tám tám đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $4.000.000đ \times 20\%/365 \times 174 \text{ ngày} = 381.370đ$ (*Ba trăm tám mươi một triệu ba trăm bảy mươi đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $2.088.000đ - 381.370đ = 1.706.630đ$ (*Một triệu bảy trăm linh sáu nghìn sáu trăm ba mươi đồng*).

Khoản vay thứ sáu: Ngày 22/7/2024, anh B có vay của Lê Thanh T số tiền

là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là 109,5%/1 năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: $109,5\% : 20\% = 5,5$ lần. Anh B đã trả tiền lãi đầy đủ trong 146 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T. Tổng số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 2.628.000đ (*Hai triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $6.000.000 \times 20\% / 365 \times 146 \text{ ngày} = 480.000\text{đ}$ (*Bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $2.628.000\text{đ} - 480.000\text{đ} = 2.148.000\text{đ}$ (*Hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Khoản vay thứ bảy: Ngày 19/8/2024, anh B có vay của Lê Thanh T số tiền là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) với lãi suất 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là 182,5%/1 năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: $182,5\% / \text{năm} : 20\% = 9,1$ lần. Anh B đã trả tiền lãi đầy đủ trong 118 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T. Tổng số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 3.540.000đ (*Ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $6.000.000\text{đ} \times 20\% / 365 \times 118 \text{ ngày} = 387.945\text{đ}$ (*Ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bốn năm đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $3.540.000\text{đ} - 387.945\text{đ} = 3.152.055\text{đ}$ (*Ba triệu một trăm lăm mươi hai nghìn không trăm lăm mươi năm đồng*).

Quá trình điều tra xác định: Tổng số tiền lãi Lê Thanh T đã nhận đối với các khoản vay của anh B là 43.566.000đ (*Bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*), tổng số tiền bị cáo Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định là 7.698.630đ (*Bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*), tổng số tiền bị cáo Tùng thu lợi bất chính đối với 07 (bảy) khoản vay của anh B là: $43.566.000\text{đ} - 7.698.630\text{đ} = 35.867.370\text{đ}$ (*Ba mươi năm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

Anh B vẫn nợ Lê Thanh T số tiền gốc là 46.000.000đ (*Bốn mươi sáu triệu đồng*).

*** Giao dịch đối với anh Bùi Văn L, sinh năm 1995, trú tại: Xóm Mỹ Thượng, xã N, huyện K, tỉnh H:**

Ngày 16/4/2024, anh L có vay của Lê Thanh T số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) với lãi suất 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là 182,5%/1 năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: $182,5\% : 20\% = 9,1$ lần. Anh L đã trả tiền lãi đầy đủ trong 180 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T. Tổng số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $10.000.000\text{đ} \times 20\% / 365 \times 180 \text{ ngày} = 986.301\text{đ}$ (*Chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $9.000.000\text{đ} - 986.301\text{đ} = 8.013.699\text{đ}$ (*Tám triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*).

Anh L vẫn nợ Lê Thanh T số tiền gốc là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

***Giao dịch đối với anh Bùi Văn N, sinh năm 1986, trú tại: Xóm Đồng**

Bãi, xã Đ, huyện K, tỉnh H:

- **Khoản vay thứ nhất:** Ngày 23/12/2023, anh N có vay của Lê Thanh T số tiền là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là 109,5%/1 năm. Mức lãi suất cho vay trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là $109,5\% : 20\% = 5,5$ lần. Anh N đã trả tiền lãi 90 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Thanh Tùng, số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 9.450.000đ (*Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $35.000.000đ \times 20\% / 365 \times 90 \text{ ngày} = 1.726.027đ$ (*Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $9.450.000đ - 1.726.027đ = 7.723.973đ$ (*Bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*). Anh N đã tắt toán khoản vay này với Lê Thanh T.

Khoản vay thứ hai: Ngày 03/04/2024, anh N tiếp tục vay của Lê Thanh T số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/1 triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần tương đương là 109,5%/1 năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: $109,5\% : 20\% = 5,5$ lần. Anh N đã trả tiền lãi đầy đủ trong 232 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T. Tổng số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 27.840.000đ (*Hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $40.000.000đ \times 20\% / 365 \times 232 \text{ ngày} = 5.084.932đ$ (*Năm triệu không trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng*), số tiền thu lợi bất chính là: $27.840.000đ - 5.084.932đ = 22.755.068đ$ (*Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*). Quá trình điều tra xác định: tổng số tiền lãi Lê Thanh T đã nhận đối với các khoản vay của Anh N là 37.290.000đ (*Ba mươi bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*), tổng số tiền bị cáo Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định là 6.810.959đ (*Sáu triệu tám trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*), tổng số tiền bị cáo Tùng thu lợi bất chính đối với 02 (hai) khoản vay của anh N là: $37.290.000đ - 6.810.959đ = 30.479.041đ$ (*Ba mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng*).

Anh N vẫn nợ Lê Thanh T số tiền gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

*** Giao dịch đối với anh Bùi Văn C, sinh năm 1990, trú tại: Xóm Đồi 1, xã K, huyện K, tỉnh H:**

Ngày 21/03/2024, anh C có vay của Lê Thanh T nhiều lần, tổng số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), thỏa thuận lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày. 10 ngày trả lãi một lần tương đương là 109,5%/1 năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: $109,5\% : 20\% = 5,5$ lần. Anh C đã trả tiền lãi đầy đủ trong 50 ngày bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thanh T. Tổng số tiền lãi mà Lê Thanh T đã nhận là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Thanh T được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: $100.000.000đ \times 20\% / 365 \times 50 \text{ ngày} = 2.739.726đ$ (*Hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*), số tiền thu lợi bất chính là:

$15.000.000đ - 2.739.726đ = 12.260.274đ$ (*Mười hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng*). Ngày 10/5/2024, anh C đã tắt toán khoản vay trên cho Lê Thanh T.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Lê Thanh T đã cho 04 (bốn) người trên vay là: 291.000.000đ (*Hai trăm chín một triệu đồng*). Tổng số tiền lãi bị cáo Tùng đã thu được của những người vay là 104.856.000đ (*Một trăm linh bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*), trong đó tổng số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là: 18.235.616đ (*Mười tám triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*), số tiền vượt so với mức tối đa theo bộ luật dân sự bị cáo Lê Thanh T thu lợi bất chính là: 86.620.384đ (*Tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn ba trăm tám mươi tư đồng*). Số tiền gốc Lê Thanh T đã được những người vay trả lại là 195.000.000đ (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*), số tiền gốc vay mà anh B, anh N, anh L chưa trả Lê Thanh T là 96.000.000đ (*Chín mươi sáu triệu đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lê Thanh T đã thừa nhận hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bản thân. Lời khai của bị cáo Lê Thanh T phù hợp với lời khai của những người vay tiền và các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, việc xử lý vật chứng: Không.

Cáo trạng số: 30/CT-VKSKB ngày 27/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - P) truy tố Lê Thanh T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - P giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Thanh T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Thanh T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/4/2025 đến ngày 12/4/2025 là 09 ngày (quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ thành 27 ngày). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh P nhận được quyết định thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự phạt Lê Thanh T từ 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) đến 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) sung nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự để khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và các khoản tiền liên quan đến vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của HĐTP TAND Tối cao:

- Buộc bị cáo Lê Thanh T phải nộp lại số tiền gốc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 195.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi suất phát sinh từ tội phạm theo quy định của Bộ luật dân sự là 18.235.616 đồng (*Mười tám triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*). Tổng

cộng là: 213.235.616 đồng (*Hai trăm mười ba triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền gốc vay mà anh B, anh N, anh L chưa trả cho bị cáo Lê Thanh T là 96.000.000đ (*Chín mươi sáu triệu đồng*) gồm: Truy thu từ anh Quách Đức B số tiền 46.000.000đ (*Bốn mươi sáu triệu đồng*); truy thu từ anh Bùi Văn L số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); truy thu từ anh Bùi Văn N số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

- Buộc Lê Thanh T trả lại số tiền lãi Tùng đã thu lợi bất chính cho 04 người đã vay tiền của Lê Thanh T là: 86.620.384 đồng (*Tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn ba trăm tám tư đồng*) gồm: trả lại anh Quách Đức B 35.867.370đ (*Ba mươi năm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi đồng*); trả lại anh Bùi Văn L 8.013.699đ (*Tám triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín chín đồng*); trả lại anh Bùi Văn N 30.479.041đ (*Ba mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn một đồng*) và trả lại anh Bùi Văn C 12.260.274đ (*Mười hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy tư đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đồng ý với tội danh, điều luật và mức hình phạt, vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có Quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, bị cáo Lê Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - P đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 11/2023 đến ngày 31/12/2024, trên địa bàn huyện K, tỉnh H Lê Thanh T đã cho Quách Đức B, Bùi Văn L, Bùi Văn N và Bùi

Văn C vay tiền với lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/ltriệu/1ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5%, đến 182,5%/Năm; mức lãi suất trên vượt quá 5 lần từ 5,5 đến 9,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền gốc bị cáo Lê Thanh T sử dụng để cho vay là 291.000.000đ (*Hai trăm chín một triệu đồng*); tổng số tiền lãi bị cáo đã thu của những người vay là 104.856.000đ (*Một trăm linh bốn triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng*), trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu (20%/năm) là: 18.235.616đ (*Mười tám triệu hai trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*); số tiền lãi thu lời bất chính là: 86.620.384đ (*Tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn ba trăm tám mươi tư đồng*).

Hành vi của Lê Thanh T đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - P truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì hám lời đã cho vay lãi nặng để thu lời bất chính. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: Ngày 09/11/2013, bị Công an huyện K, tỉnh H xử phạt hành chính theo quyết định số 14; phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Lê Thanh T chưa chấp hành, tuy nhiên quá trình xác minh không có các tài liệu thi hành quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Thanh T. Căn cứ quy định của pháp luật, xác định đến nay đã hết thời hiệu xử phạt VPHC đối với Lê Thanh T theo Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

HĐXX xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2025 đến ngày 12/4/2025 là 09 ngày, theo quy định của pháp luật thì 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên bị cáo được trừ đi 27 ngày.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đối với nhiều người vay khác nhau, bị cáo không thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo. Do vậy áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, cần áp dụng hình phạt

bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự “Trong thời hạn chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước”. Xét thấy bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp: Đối với tổng số tiền gốc Lê Thanh T cho 04 người vay là 291.000.000đ (Hai trăm chín một triệu đồng), gồm: anh Quách Đức B vay 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng); anh Bùi Văn L vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); anh Bùi Văn N vay 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng); anh Bùi Văn C vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bị cáo đã nhận lại từ những người vay trả cho bị cáo số tiền là: 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng). Trong những người vay anh Quách Đức B còn nợ bị cáo tiền gốc vay 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng); anh Bùi Văn L còn nợ bị cáo tiền gốc vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); anh Bùi Văn N còn nợ bị cáo tiền gốc vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); anh Bùi Văn C đã trả hết cho bị cáo. Đây là khoản tiền được xác định là phương tiện phạm tội, cần tịch thu từ bị cáo và truy thu từ anh Quách Đức B, Bùi Văn L và Bùi Văn N để sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với tổng số tiền lãi Lê Thanh T đã thu của 04 người vay là 104.856.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu, tám trăm năm sáu nghìn đồng). Trong đó lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/01 năm) là 18.235.616 đồng (Mười tám triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng), đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/01 năm) là 86.620.384 đồng (Tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), đây là khoản tiền Lê Thanh T thu lợi bất chính của 04 người vay, cần buộc bị cáo Lê Thanh T phải trả lại cho những người vay gồm: trả lại anh Quách Đức B 35.867.370đ (Ba mươi năm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi đồng); trả lại anh Bùi Văn L 8.013.699đ (Tám triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng); trả lại anh Bùi Văn N 30.479.041đ (Ba mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng) và trả lại anh Bùi Văn C 12.260.274đ (Mười hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng).

[7] Về xử lý vật chứng: Không.

[8] Trong vụ án còn có đối tượng khác HĐXX nhận định như sau:

Đối với Trần Văn M là người cho bị cáo Lê Thanh T sử dụng số tài khoản để phục vụ việc giao dịch vay tiền và trả tiền lãi suất đối với những người vay. Tuy nhiên Trần Văn M không biết việc bị cáo Tùng sử dụng số tài khoản để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do đó hành vi của Trần Văn M không đồng phạm về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cùng bị cáo Tùng. Do vậy xác định Trần Văn M là người làm chứng trong vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao

dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T 15(*Mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/4/2025 đến ngày 12/4/2025 là 09 ngày (quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ thành 27 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 14 (*Mười bốn*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Thanh T cho UBND xã K, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Phạt Lê Thanh T 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng; các biện pháp tư pháp và các khoản tiền liên quan đến vụ án: Áp dụng Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của HĐTP TAND Tối cao:

- Buộc bị cáo Lê Thanh T phải nộp lại số tiền gốc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 195.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi suất phát sinh từ tội phạm là 18.235.616 đồng (*Mười tám triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*). Tổng cộng là: 213.235.616 đồng (*Hai trăm mười ba triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

- Buộc những người sau phải nộp lại tiền để tịch thu sung công quỹ Nhà nước, cụ thể: Anh Quách Đức B số tiền 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu đồng*); anh Bùi Văn L số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*); anh Bùi Văn N số tiền 40.000.000 đồng 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

- Buộc Lê Thanh T trả lại cho những người có quyền lợi liên quan số tiền lãi Lê Thanh T thu lợi bất chính của những người vay là 86.620.384 đồng (*Tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn ba trăm tám mươi tư đồng*) gồm: trả lại anh Quách Đức B 35.867.370đ (*Ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi đồng*); trả lại anh Bùi Văn L 8.013.699đ (*Tám triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín chín đồng*); trả lại anh Bùi Văn N 30.479.041đ (*Ba mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn một đồng*) và trả lại anh Bùi Văn C 12.260.274đ (*Mười hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng*).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bị cáo Lê Thanh T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- VKSND Khu vực 13 - P;
- CQĐT; CQTHAHS CA tỉnh P;
- Phòng THADS Khu vực 13, tỉnh P;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Công TTĐT TAND;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tư Duy